TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **135**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-12-2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân

Bà Nguyễn Hồng Xứng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:

Ông Trương Văn Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 85/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị M**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- *Bị đơn:* Ông **CHEN, CHI-WEN**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số H, đoạn D, lộ D, khóm A, thôn P, làng P, huyện C, Đài Loan.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Đinh Thị M trình bày theo đơn khởi kiện và bản tự khai:

Tháng 6/2023, bà có quen biết ông C, C1-Wen qua mai mối, sau khi tìm hiểu có nảy sinh tình cảm, có làm đám cưới theo phong tục tập quan của người Việt Nam, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/8/2023.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 ngày thì ông W về Đài Loan, bà ở lại Việt Nam học ngôn ngữ Đài Loan để sang Đài Loan sống cùng chồng. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau qua mạng xã hội nhưng đến tháng 9/2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về

ngôn ngữ và phong tục tập quán, khoảng cách địa lý xa nên vợ chồng không còn sự quan tâm nhau, ông W không còn ý định bão lãnh bà sang Đài Loan đoàn tụ. Hiện tại ông W sống và làm việc tại Đài Loan, bà sống tại Việt Nam, hai bên không còn liên lạc với nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu TAND tỉnh Kiên Giang giải quyết cho bà được ly hôn với ông C, C1-Wen.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông C, CHI-WEN: vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và chưa có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị M theo ủy thác tư pháp hợp lệ của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Đinh Thị M.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đinh Thị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; đối với ông C, C1-Wen vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ. Căn cứ theo quy định tại các điều Điều 227, 228, 238 và 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị M:

Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Đinh Thị M và ông C, C1-Wen quen biết nhau qua mai mối, hai bên có tình cảm yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang ngày 03/8/2023. Do đó, hôn nhân giữa bà Đinh Thị M và ông C, C1-Wen là hợp pháp.

Nguyên nhân bà M yêu cầu ly hôn là do vợ chồng không có nhiều thời gian sống chung, không thực hiện được thủ tục bảo lãnh bà sang Đài Loan đoàn tụ, do bất đồng ngôn ngữ, khác biệt về phong tục tập quán và khoảng cách địa lý, vợ chồng không còn sự quan tâm nhau, ông W không còn ý định bảo lãnh bà sang Đài Loan đoàn tụ. Hiện nay ông bà không còn liên lạc với nhau, bà M xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông C, C1-Wen.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ cho ông C, C1-W nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông C, C1-Wen vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà M.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đinh Thị M và ông C, C1-Wen đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Đinh Thị M với ông C, C1-Wen.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Đinh Thị M phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà M đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005592 ngày 31/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang

[4] Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Áp dụng khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 7 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC.

Phí ủy thác tư pháp: Bà Đinh Thị M phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, bà M đã nộp theo biên lai thu số 0099659 ngày 27/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Đinh Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị M được ly hôn với ông C, C1-Wen.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đinh Thị M phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà M đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005592 ngày 31/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang

4. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Đinh Thị M phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, bà M đã nộp theo biên lai thu số 0099659 ngày 27/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Đinh Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông C, C1-W1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hường